

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục, Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 53/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; số 54/2024/NĐ-CP quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; số 23/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước; Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 75/2026/QĐ-UBND ngày 12/10/2026 về ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 641/QĐ-UBND ngày 21/02/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề cương và dự toán nhiệm vụ “Điều tra, khoanh vùng hạn chế và vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh”; Văn bản số 1655/UBND-NL2 ngày 07/4/2022 của UBND tỉnh về việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ “Điều tra, khoanh vùng hạn chế và vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất”;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1018/TTr-SNNMT ngày 09/9/2026; trên cơ sở biểu quyết thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh (bằng phiếu biểu quyết).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục và Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất tỷ lệ 1:100.000, cụ thể như sau:

1. Vùng hạn chế khai thác nước dưới đất bao gồm:

- Vùng hạn chế 1 (là khu vực có nguồn nước dưới đất có nguy cơ bị xâm nhập mặn) có 31 vùng, với tổng diện tích là 48,35 km². Trong đó bao gồm 26 xã: Nghi Xuân, Tiên Điền, Đức Minh, Đức Quang, Đức Thịnh, Trường Lưu, Can Lộc,

Gia Hanh, Tùng Lộc, Hồng Lộc, Lộc Hà, Mai Phụ, Đồng Lộc, Xuân Lộc, Đông Kinh, Việt Xuyên, Thạch Hà, Thạch Khê, Toàn Lưu, Thạch Xuân, Thạch Lạc, Đồng Tiến, Yên Hòa, Cẩm Xuyên, Cẩm Bình, Cẩm Duệ và 05 phường: Hà Huy Tập, Thành Sen, Trần Phú, Bắc Hồng Lĩnh, Nam Hồng Lĩnh.

2. Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, tỷ lệ 1:100.000.

(có Danh mục và Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất kèm theo).

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi đề đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh; thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; thông báo tới các tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện, đồng thời gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp.

b) Căn cứ Danh mục các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất đã được phê duyệt, lập phương án tổ chức thực hiện việc hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.

c) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện Danh mục các vùng hạn chế khai thác nước dưới đất thuộc địa bàn quản lý.

2. Các sở, ban, ngành có liên quan trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện các quy định về hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc công bố Danh mục và Bản đồ phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

b) Giám sát các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong việc thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất theo Phương án được phê duyệt.

c) Tổ chức việc đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn theo quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 23/2026/NĐ-CP.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất:

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc khoanh định và xác định phương án, lộ trình thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất (nếu có) đối với công trình khai thác nước dưới đất của mình.

b) Thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất theo phương án đã được phê duyệt.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường (cơ quan lập hồ sơ, tổng hợp, đề xuất) chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh và cơ quan thanh

tra, kiểm tra về nội dung, số liệu đề xuất tại các Văn bản nêu trên và quá trình tổ chức thực hiện.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Y tế, Khoa học và Công nghệ; Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/cáo);
- Cục QL Tài nguyên nước (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, Phó CVP (phụ trách);
- Trung tâm TT và XTHTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NL, NL1.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Hồ Huy Thành

PHỤ LỤC
DANH MỤC VÙNG HẠN CHẾ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH

(Kèm theo Quyết định QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Tên vùng hạn chế	Diện tích hạn chế (km ²)	Đơn vị hành chính		TCN hạn chế	Chiều sâu tầng chứa nước (m)		Biện pháp hạn chế
			Phường/Xã	Tỉnh		Từ	Đến	
1	HT-HCI-01	3,25	Nghi Xuân	Hà Tĩnh	qp	15	30	a) Không chấp thuận việc đăng ký, cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất để xây dựng thêm công trình khai thác nước dưới đất mới (trừ trường hợp khoan thay thế giếng thuộc công trình đã được cấp giấy phép theo quy định) và thực hiện các biện pháp hạn chế khai thác nước dưới đất quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 36 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP đối với các công trình hiện có. b) Trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất nhưng không có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc không đăng ký khai thác nước dưới đất thì phải dừng khai thác và cơ quan nhà nước thực hiện việc xử lý vi phạm đối với việc khai thác nước dưới đất không có giấy phép theo thẩm quyền thì phải thực hiện trám lấp giếng theo quy định tại Thông tư số 22/2024/TT-BTNMT ngày 26/11/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trám lấp giếng không sử dụng. Trừ
2	HT-HCI-02	0,15	Tiên Điền	Hà Tĩnh	qp	10	20	
3	HT-HCI-03	1,78	P. Bắc Hồng Lĩnh	Hà Tĩnh	qp	15	30	
4	HT-HCI-04	3,2	Đức Minh	Hà Tĩnh	qp	10	20	
5	HT-HCI-05	0,85	Đức Quang	Hà Tĩnh	qp	10	20	
6	HT-HCI-06	2,74	Đức Thịnh	Hà Tĩnh	qp	10	30	
7	HT-HCI-07	1,99	P. Nam Hồng Lĩnh	Hà Tĩnh	qp	15	30	
8	HT-HCI-08	1,49	Trường Lưu	Hà Tĩnh	qp	10	25	
9	HT-HCI-09	0,4	Can Lộc	Hà Tĩnh	qp	10	20	
10	HT-HCI-10	1,32	Gia Hanh	Hà Tĩnh	qp	10	20	
11	HT-HCI-11	0,7	Tùng Lộc	Hà Tĩnh	qp	10	20	
12	HT-HCI-12	0,84	Hồng Lộc	Hà Tĩnh	qp	15	25	
13	HT-HCI-13	1,75	Lộc Hà	Hà Tĩnh	qp	15	30	
14	HT-HCI-14	0,83	Mai Phụ	Hà Tĩnh	qp	10	25	
15	HT-HCI-15	1,38	Đồng Lộc	Hà Tĩnh	qp	10	20	

TT	Tên vùng hạn chế	Diện tích hạn chế (km ²)	Đơn vị hành chính		TCN hạn chế	Chiều sâu tầng chứa nước (m)		Biện pháp hạn chế
			Phường/Xã	Tỉnh		Từ	Đến	
16	HT-HCI-16	2,8	Xuân Lộc	Hà Tĩnh	qp	10	25	trường hợp công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước. c) Trường hợp công trình có giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất hoặc giấy phép khai thác nước dưới đất thì được tiếp tục khai thác đến hết thời hạn hiệu lực của giấy phép và được xem xét cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép nhưng không vượt quá lưu lượng nước khai thác đã được cấp phép trước đó; trường hợp công trình đã được đăng ký thì được tiếp tục khai thác, nhưng không được tăng lưu lượng khai thác đã đăng ký. d) Công trình đang khai thác nước dưới đất để cấp nước cho mục đích sinh hoạt thuộc trường hợp phải có giấy phép khai thác nước dưới đất hoặc đăng ký nhưng chưa có giấy phép hoặc chưa đăng ký thì được xem xét cấp giấy phép khai thác hoặc đăng ký nếu đủ điều kiện cấp phép, đăng ký theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước.
17	HT-HCI-17	1,24	Đông Kinh	Hà Tĩnh	qp	15	30	
18	HT-HCI-18	2,62	Việt Xuyên	Hà Tĩnh	qp	15	30	
19	HT-HCI-19	2,5	Thạch Hà	Hà Tĩnh	qp	15	45	
20	HT-HCI-20	1,13	Thạch Khê	Hà Tĩnh	qp	15	30	
21	HT-HCI-21	1,69	P. Trần Phú	Hà Tĩnh	qp	10	20	
22	HT-HCI-22	0,6	P. Thành Sen	Hà Tĩnh	qp	10	20	
23	HT-HCI-23	1,1	Toàn Lưu	Hà Tĩnh	qp	15	45	
24	HT-HCI-24	4,06	P. Hà Huy Tập	Hà Tĩnh	qp	15	45	
25	HT-HCI-25	0,52	Thạch Xuân	Hà Tĩnh	qh, qp	0	20	
26	HT-HCI-26	0,71	Thạch Lạc	Hà Tĩnh	qp	10	25	
27	HT-HCI-27	0,97	Đồng Tiến	Hà Tĩnh	qp	15	35	
28	HT-HCI-28	2,06	Yên Hòa	Hà Tĩnh	qp	10	30	
29	HT-HCI-29	1,55	Cẩm Xuyên	Hà Tĩnh	qh, qp	0	30	
30	HT-HCI-30	1,91	Cẩm Bình	Hà Tĩnh	qh, qp	0	25	
31	HT-HCI-31	0,22	Cẩm Duệ	Hà Tĩnh	qp	20	35	